|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  Số: 1432/2022/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quận 12, ngày 30 tháng 11 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1208/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Lê Sĩ Q**, sinh năm 1966;

Nơi thường trú: C49 Khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi tạm trú: C8Bis Khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1980;

Nơi thường trú: C49 Khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi tạm trú: C8Bis Khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về quan hệ pháp luật: “V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.
2. Về yêu cầu của đương sự:

Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2004 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường B,

Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/02/2004; số: 05; quyển số: 01/2004). Nay, ông Q và bà Đ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ có với nhau 01 (một) người con Lê Hồng P, sinh ngày 15/6/2005. Ông Q – bà Đ thỏa thuận: Giao người con tên P cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Q – bà Đ thỏa thuận: Bà Đ không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ thỏa thuận: Ông Q tự nguyện chịu lệ

phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ thuận tình ly

hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do

Ủy ban nhân dân phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/02/2004; số: 05; quyển số: 01/2004 không còn giá trị.

* Về con chung: Có 01 (một) người con Lê Hồng P, sinh ngày 15/6/2005. Giao người con tên P cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Đ không yêu cầu ông Lê Sĩ Q cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Về tài sản chung: Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.
* Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Sĩ Q tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông Q được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0004721 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Sĩ Q đã nộp đủ lệ phí.
2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.
3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Các đương sự; * VKSND Quận 12; * Chi Cục THADS Quận 12; * UBND phường B, Quận 12, Tp. HCM; * Lưu: Hồ sơ việc dân sự. | **THẨM PHÁN**  **Lê Thị Mỹ Kim** |